

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 6 - 2024

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn H Dân

Ông Ngô H Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 350/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Phi H, sinh ngày 24/02/1966

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn T, huyện B, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị Thu S, sinh ngày 12/7/1968

Địa chỉ: Số nhà 283, đường N, khóm B, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Hôn nhân: Ông Trần Phi H và bà Trịnh Thị Thu S chung sống với nhau vào năm 1993, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến năm 1997 ông và bà S đã sống ly thân đến nay. Vì vậy ông H yêu cầu ly hôn với bà S.

Con chung: Có một con chung tên Trần Anh T, sinh ngày 13/11/1996 hiện nay con đã trưởng thành, không đặt ra trách nhiệm nuôi con.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

- *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn trình bày:* Bà Trịnh Thị Thu S thừa nhận lời trình bày của ông Trần Phi H là đúng, bà S không bổ sung gì thêm. Bà S đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Ông Trần Phi H và bà Trịnh Thị Thu S xác lập quan hệ vợ chồng trên tinh thần tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn, mặc dù ông bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do ông Trần Phi H và bà Trịnh Thị Thu S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Phi H và bà Trịnh Thị Thu S không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Trần Phi H và bà Trịnh Thị Thu S có một con chung tên Trần Anh T, sinh ngày 13/11/1996, hiện nay con đã trưởng thành, ông Trần Phi H và bà Trịnh Thị Thu S không đặt ra trách nhiệm nuôi con nên không xem xét.

[3] Tài sản chung: Không có nên không xem xét.

[4] Nợ chung: Không có nên không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình: Ông Trần Phi H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Các Điều 144, 147, 277 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Hôn nhân: Không công nhận ông Trần Phi H và bà Trịnh Thị Thu S là vợ chồng.

- Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình: Ông Trần Phi H phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 13/6/2024 ông H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0008830 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Trần Phi H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Trịnh Thị Thu S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Chi cục THADS tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phạm Việt Trung